

VĂN HOÁ - LỊCH SỬ**NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG ƯU TIÊN CHIẾN LƯỢC TRONG CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC CỦA HOA KỲ TRƯỚC TRIỂN VỌNG THẾ KỶ XXI**

TS. Đỗ Lộc Diệp

Hoa Kỳ trở thành một quốc gia độc lập với đế quốc Anh năm 1776. Và trên mảnh đất này đã dần hình thành một hệ thống giáo dục quốc dân độc đáo nhưng què quặt và đến nay là một nền giáo dục quốc dân hùng mạnh bậc nhất trên hành tinh về các mặt, đa dạng trong loại hình trường, phong phú trong nội dung đào tạo, độc đáo về mặt nguyên lý và phương pháp tiến hành giáo dục, công và tư, có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng ở trình độ cao và hàng loạt nhà khoa học hàng đầu trong nhiều lĩnh vực học thuật và được giải Nobel, đóng góp quyết định vào việc đưa nền kinh tế Mỹ thành một nền kinh tế có năng suất và khả năng cạnh tranh dẫn đầu thế giới. Nét đặc sắc bao trùm của hệ thống giáo dục quốc dân Hoa Kỳ là tụy ra đời trên nền tảng kinh tế tư nhân thuần túy ban đầu, dần dần chuyển thành nền kinh tế tư nhân phát triển mang định hướng xã hội. Trường học ngay từ đầu đã là công việc của cộng đồng ở những mức độ khác nhau, nhưng càng về sau vai trò của nhà nước ngày càng tăng. Cho đến nay gần 90% sinh viên và học sinh học tập tại các trường công trên khắp nước, gần 80% sinh viên học ở các trường đại học và đại học tổng hợp

quốc lập và khoảng 20% học tại các trường tư. Số tiền dành cho giáo dục tính theo đầu người đứng đầu thế giới.

Tuy nhiên nền giáo dục Mỹ khi bước vào thế kỷ XXI đã bộc lộ nhiều điểm yếu mà nếu không chấn chỉnh sẽ có nguy cơ làm suy yếu Mỹ trên nhiều lĩnh vực chiến lược then chốt và không thể khai thác được tốt hơn những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới, đang hứa hẹn đưa nước Mỹ và loài người bước vào một thời đại kinh tế mới. Một loạt phương hướng ưu tiên chiến lược đã được vạch ra và đang được thực hiện từ những năm đầu của thế kỷ XXI. Bài viết này giới thiệu với bạn đọc những thông tin đã được tổng hợp của báo chí nước ngoài để bạn đọc tham khảo về những phương hướng ưu tiên chiến lược trong chính sách giáo dục của Hoa Kỳ khi bước vào thế kỷ XXI.

I. Cơ sở lý thuyết và thể chế

Kinh tế học hiện đại đã làm sáng tỏ tầm quan trọng của nguồn vốn con người (tư bản người - human capital) trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế của nước Mỹ đầu thế kỷ XXI chứng tỏ rằng đầu tư vào vốn người đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc đảm bảo ưu thế cạnh tranh của nền kinh tế đất nước ở cả cấp độ quốc gia và cấp độ toàn cầu. Sự

phát triển của giáo dục có ảnh hưởng rất tích cực đối với sự hình thành nguồn lực kinh tế chủ yếu - vốn người (tư bản người). Trong báo cáo kinh tế hàng năm (năm 1999) gửi Quốc hội, Tổng thống Bill Clinton nhận định rằng "Giáo dục là then chốt phần vinh tương lai của đất nước".

Để hoàn thiện hệ thống giáo dục, trong những năm 1990, Mỹ đã thông qua một loạt đạo luật và chương trình giáo dục:

- Năm 1994 đã đưa vào áp dụng "*Luật về Những mục tiêu năm 2000 - giáo dục cho nước Mỹ*". Luật này đã vạch ra những tiêu chuẩn của giáo dục trung học và những biện pháp cải tiến kết cấu hạ tầng giáo dục; Luật về "*Hoàn thiện giáo dục trung học*" (năm 1997 đã thông qua luật về "*Sắp xếp việc làm cho học sinh phổ thông*", và thông qua luật về "*Giảm thuế tín dụng*" cấp cho những mục tiêu giáo dục đối với người trưởng thành và các sinh viên).

- Năm 1998 đã thông qua luật về "*Đầu tư vào sức lao động*", trong đó đã đề cập đến việc trao cho người cán bộ hữu trách những quyền rộng rãi về kiểm tra thực hiện các chương trình của nhà nước trong lĩnh vực đào tạo và đào tạo lại, cũng như việc tổ chức các trung tâm địa phương không chỉ thực hiện việc dạy nghề mà cả sắp xếp việc làm và trợ giúp vật chất cho họ.

Những đạo luật trên chứng tỏ tham vọng của nhà nước Mỹ muốn nâng cao hơn nữa vai trò và ý nghĩa của giáo dục trong nền kinh tế đất nước cũng như nhận thức về tính ưu tiên của nó đối với sự phát triển của xã hội Mỹ trong thế kỷ XXI.

Dưới đây sẽ xem xét một số phương hướng chủ yếu quy định sự hình thành các biện pháp hoàn thiện hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ trong thế kỷ XXI.

II. Dân chủ hoá giáo dục

Trên phạm vi toàn cầu, trường học đang vận động theo xu hướng dân chủ hoá, mặc dù vậy bên cạnh những nét chung vẫn tồn tại những nét riêng do những điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá khác nhau tùy theo từng nước và từng vùng quy định.

Nhiều nhà nghiên cứu phương Tây và Hoa Kỳ nhận định rằng, những nguyên tắc dân chủ hoá giáo dục đều giả định hai quan điểm mang tính cách bài trừ lẫn nhau, trái ngược nhau. Quan điểm thứ nhất dựa vào tư tưởng bình quân chủ nghĩa và tính đồng loạt, mà thực chất của nó là xem mọi trẻ em đều bình đẳng về nguồn gốc sinh ra và giáo dục phải đồng đều cho tất cả. Quan điểm thứ hai chống lại chủ nghĩa bình quân cho rằng, chức năng của mọi hệ thống giáo dục không phải chỉ là đào tạo, mà còn là sự lựa chọn xã hội hoặc sự đa dạng hoá (divertification)/sự phân dị hoá (differentiation) về giáo dục, tức là đào tạo phù hợp với khả năng, những thiên hướng và lợi ích riêng của người.

Hệ thống dân chủ về giáo dục có hai dấu hiệu bắt buộc: 1) Sự bình đẳng của các thành viên trong xã hội trong việc tiếp nhận giáo dục, tức là khả năng tiếp nhận giáo dục của họ bất kể địa vị xã hội, giới tính, chủng tộc, dân tộc; và 2) sự phi tập trung (decentralization) - điều này có nghĩa là quyền của các cơ quan quyền lực địa phương quản lý tài chính và tuyển chọn cán bộ giáo dục. Dấu hiệu này cũng bao hàm tính mở của hệ thống; quyền của cha mẹ và của học sinh trong việc lựa chọn trường học; tổ chức các quá trình học, tức là quá trình hình thành con người có khả năng tư duy và làm việc một cách tự do và sáng tạo.

- Đảm bảo những khả năng bình đẳng trong việc tiếp nhận giáo dục. Một niềm tin phổ biến rộng rãi cho rằng cơ

may sinh tồn của con trẻ không được phụ thuộc vào tình trạng tài chính của cha mẹ. Nói chung, chính sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục đã đóng một vai trò quan trọng trong sự hình thành tính ổn định của nền kinh tế Mỹ. Những người nhập cư vào Mỹ dù là nghèo cũng không cảm thấy mình là những người không thành đạt, họ có niềm hy vọng ở tương lai của con cái, bởi vì họ có thể đem lại cho con một nền giáo dục

• Đảm bảo sự tiếp nhận bình đẳng nền giáo dục của mọi loại dân cư - đó là chính sách được nhà nước thực hiện trong giáo dục - cơ sở của chính sách này là ở sự cung cấp tài chính và đảm bảo vật chất cho quá trình giáo dục.

Khả năng tiếp nhận giáo dục trung học ở Mỹ thể hiện ở khắp mọi nơi, giáo dục trung học là bắt buộc và được chính phủ tài trợ. Nhưng quan điểm/phương pháp mở rộng khả năng tiếp nhận giáo dục cao đẳng/đại học không thể thống nhất: giáo dục cao đẳng/đại học không thể và không nhất thiết là bắt buộc, ít nhất, trong giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội.

Nếu như giáo dục trung học chủ yếu phải thực hiện chức năng của chủ nghĩa bình quân (egalitarianism), thì giáo dục cao đẳng phải thực hiện chức năng tuyển chọn xã hội. Mọi thành viên xã hội không thể có cùng một trình độ trí tuệ cao đồng đều, vì vậy tình trạng thiếu giáo dục cao đẳng/đại học sẽ luôn luôn duy trì.

Chính quyền Clinton đã đề ra một nhiệm vụ táo bạo: Làm cho giáo dục cao đẳng đầu thế kỷ XXI có thể tiếp cận được như là giáo dục trung học. Thời gian trung bình tiếp nhận giáo dục trong cả nước đầu thế kỷ XXI đã được kế hoạch nâng lên đến 14 năm và hơn nữa (Năm 1998 là 12,8 năm, tức là cao hơn một chút mức trường trung học 12 năm). Nhưng một vấn đề cấp bách khác của giáo dục đầu thế kỷ

đã chiếm vị trí chủ đạo trong chính sách nhà nước, và vì vậy nhiệm vụ này đã lùi xuống hàng thứ yếu.

Sự trợ giúp tài chính của nhà nước hiện có cho giáo dục cao đẳng gắn liền với tính không hoàn thiện của các thị trường vốn. Nếu các thị trường vốn hoàn thiện thì hiệu quả thu được đối với những người mà giáo dục là có lợi cho họ sẽ cao hơn chi phí bỏ ra, và do đó họ dễ dàng (họ được khuyến khích) vay nợ để chi cho giáo dục cao đẳng (đại học). Nhưng các chủ cho vay tư nhân trong đại đa số trường hợp không muốn cho vay theo mục đích này, và vì vậy người nào không có tiền bạc của mình (hoặc của cha mẹ) sẽ bị tước mất khả năng tiếp nhận giáo dục cao đẳng không có sự trợ giúp của nhà nước.

Phần lớn sự ủng hộ của nhà nước cho giáo dục cao đẳng mang hình thức giáo dục miễn phí hoặc ít nhất cũng là giáo dục ưu đãi tại các trường đại học hoặc cao đẳng của các bang. Sự trợ giúp của nhà nước mang hình thức những khoản cho không hoặc cho vay (một phần là trợ cấp) hoặc những đảm bảo các khoản vay của các chủ tín dụng tư nhân. Phần chủ yếu trợ giúp của nhà nước hướng vào đào tạo ở các trường cao đẳng nhà nước, nhưng cũng có thể nhận được trợ giúp để chi cho học tập ở các trường cao đẳng tư nhân.

Nhiều cuộc tranh luận đã diễn ra quanh vấn đề liệu trợ giúp giáo dục cao đẳng là có lợi, hay tốt hơn chỉ cấp những khoản vay thuần túy là được. Nhưng những khoản vay không có trợ cấp sẽ đẩy ra khỏi trường cao đẳng những người thuộc các gia đình nghèo, không giàu có, luôn cho rằng tồn tại rủi ro làm cho tiền lương cao nhất cũng không bồi hoàn lại được các khoản đầu tư. Nếu điều này xảy ra thì họ phải mang một gánh nặng nợ to lớn. Vì thế trợ cấp cho giáo dục cao đẳng trở thành tất yếu đối với nhà nước.

Chính sách nhà nước đảm bảo những khả năng như nhau trong việc tiếp nhận giáo dục cao đẳng được thực hiện ở Mỹ kéo dài suốt 35 năm qua. Kể từ 1990, khoảng 90 tỷ đôla đã được chi cho mục tiêu này. Nhưng sau 10 năm mục tiêu này vẫn chưa hoàn thành¹. Khoảng cách hiện có về khả năng tiếp nhận giáo dục giữa trẻ em giàu và nghèo, giữa trẻ em nói tiếng Anh và những trẻ em biết ít tiếng Anh, những người Mỹ gốc Phi, gốc Mỹ Latinh và những người da trắng không chỉ lớn mà còn tiếp tục gia tăng. Cuộc cải cách giáo dục của chính quyền Bush con vẫn tiếp tục hướng vào việc đề ra các biện pháp san bằng khả năng tiếp nhận giáo dục. Tính linh hoạt trong việc phân phối trợ giúp tài chính của Liên bang và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiếp nhận giáo dục - đó là những phương hướng có thể mở rộng khả năng tiếp nhận giáo dục cao đẳng.

Bộ Giáo dục cấp cho sinh viên những khoản vay dựa trên các chương trình "*cho vay giáo dục theo gia đình của liên bang*" và "*cho vay trực tiếp của liên bang*". Sự cải tiến gần đây trong lĩnh vực trợ giúp tài chính là qui trình hình thành một khoản vay qua mạng máy tính bằng một mã số cá nhân (Free Application for Federal Student Aid). Hồ sơ đăng ký điện tử cho biết có 13 triệu sinh viên trong một năm được nhận trợ giúp tài chính hàng năm, ước tính khoảng 31 tỷ đôla².

Nói chung, trợ giúp tài chính liên bang cho học sinh mỗi năm khoảng 40 tỷ đôla - ngân sách cho năm 2002 tăng trợ cấp tài chính liên bang cho sinh viên trên 50 tỷ đôla.

Ngân sách mới của chính quyền G. W. Bush chú ý tối thiểu hoá khả năng không thanh toán nợ của sinh viên đã được đề cập ở trên. Trong những năm gần đây, tổng số những khoản vay của

sinh viên tăng lên hơn hai lần, từ 12 tỷ tăng lên 25 tỷ đôla và do vậy số không trả được nợ cũng tăng lên³. Cuộc đấu tranh với việc không thanh toán được thực hiện nhằm đưa vào vòng kiểm soát và làm rõ khả năng không thể thanh toán ở các giai đoạn khác nhau.

Như đã đề cập ở trên, sự bình đẳng của các thành viên trong xã hội trước nền giáo dục giả định khả năng tiếp nhận nó bất kể nguồn gốc xã hội, hoàn cảnh vật chất, giới tính, dân tộc, chủng tộc. Chính phủ Liên bang đặc biệt quan tâm đến trẻ em thuộc các gia đình có thu nhập thấp. Trong niên khoá 1997/1998, những trường phổ thông có con của các gia đình thu nhập thấp nhất theo học nhận được 96% tổng số chi so với 79% trong niên khoá 1993/1994⁴. Ngân sách tài khoá 2002 dự kiến chi bổ sung cho giáo dục cao đẳng khoảng 1 tỷ đôla nhằm nâng cao khả năng tiếp nhận và chất lượng giáo dục của sinh viên chủ yếu từ các gia đình ít được đảm bảo. Mỹ là một trong số ít nước phát triển trên thế giới mà ở đó vấn đề dân tộc và chủng tộc là một vấn đề mang tính thời sự.

Vì vậy việc đảm bảo những khả năng bình đẳng trong việc tiếp nhận được một nền giáo dục cho các chủng tộc và dân tộc khác nhau là một trong những nhân tố quan trọng nhất của việc dân chủ hoá nền giáo dục Mỹ.

Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha chiếm 25% tổng số sinh viên và một nửa số này thuộc các gia đình ít được đảm bảo. Thông thường, những người nói tiếng Tây Ban Nha nhận được một nền giáo dục ở các trường cao đẳng đặc biệt chủ yếu dành riêng cho loại dân cư này. Chính phủ Liên bang hầu như cấp tài chính hoàn toàn cho những trường cao đẳng này. Bộ Giáo dục năm 2001 đã cấp 19,4 triệu đôla cho 45 trường cao đẳng và đại học, nơi mà người dân nói tiếng Tây Ban Nha học tập⁵.

Ngân sách năm 2002 cung cấp tài chính cho các trường cao đẳng, đại học và các học viện có người da trắng học tập và các học viện có người Mỹ gốc Tây Ban Nha học tập tăng 6,4% so với năm 2001, và 30% vào năm 2005. Ngân sách dự tính chi 72,4 triệu đôla cho các học viện chỉ phục vụ sinh viên nói tiếng Tây Ban Nha⁶.

Hiện đại hoá các trường học dành cho con cái viên chức quân sự và dân cư da đỏ là một hướng ưu tiên trong chính sách của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục. Nghĩa vụ chủ yếu của chính phủ liên bang trong lĩnh vực này là tài trợ cho việc xây dựng trường học.

Nhà nước Mỹ hỗ trợ to lớn cho những người tàn tật. Ngay từ năm 1975, Mỹ đã thông qua đạo luật về giáo dục cho trẻ em tàn tật, quy định những khoản trợ cấp to lớn. Bởi vì trong các trường học này phải có những nhà tâm lý học, xã hội học và nhiều chuyên gia khác làm việc với trẻ em tàn tật, kỹ thuật hiện đại nhất. Ngày nay giáo dục trẻ em tàn tật được điều tiết theo "*Đạo luật về Giáo dục những người có khả năng hạn chế năm 1997*" (Individuals with Disabilities Education Act of 1997). Đạo luật này củng cố và mở rộng khả năng tiếp nhận giáo dục cho 5,8 triệu trẻ em tàn tật. Ngân sách tài khoá 2002 tăng kinh phí giáo dục đặc biệt cho người tàn tật thông qua việc phát triển hệ thống giáo dục từ xa.

• Phi tập trung quản lý giáo dục

Hiện nay việc quản lý giáo dục được hướng vào cái gọi là "trung tâm vùng" giữa quản lý tập trung và việc trao toàn quyền lớn cho các vùng, các chính quyền địa phương, các giới xã hội, các trường học.

Ở Mỹ mức độ cao của sự phi tập trung quản lý giáo dục và những vấn đề tự quản của địa phương luôn luôn

được xem như một vấn đề thực sự quan trọng của xã hội Mỹ. Những người chống tập trung hoá đã đấu tranh để xoá bỏ Bộ Giáo dục ngay từ năm 1981 và chuyển chức năng của nó cho các bang. Song Bộ Giáo dục không chỉ duy trì sự lãnh đạo chung công tác trường học, mà còn tăng thêm quy mô ảnh hưởng của mình.

Lãnh thổ Mỹ được chia ra thành những quận giáo dục và gồm có 15,5 nghìn quận, trung bình 50 nghìn học sinh cho mỗi quận, nhưng có những quận lớn hơn như ở New York lên tới 1 triệu học sinh.

Chính quyền của Tổng thống G. W. Bush trong ngân sách dành cho năm 2002 thay vì tăng cường sự kiểm soát của địa phương, đã đề nghị xem xét chặt chẽ báo cáo tổng kết của các trường học. Những chỉ số của báo cáo và chính những chỉ số kiểm tra hàng năm sẽ phải đồng đều trong cả nước và kết quả kiểm tra phải công bố trong bảng báo cáo quốc gia về trường học (Nation's Report Card). Dựa trên bảng báo cáo này sẽ làm rõ những trường học có thành tích học tập thấp và việc phát triển sẽ được áp dụng, tức là một phần ngân quỹ sẽ rút khỏi bang. Trái lại, sự cải thiện thành tích học tập sẽ được khuyến khích bằng việc cấp thêm kinh phí.

Ảnh hưởng của cha mẹ học sinh và việc quản lý của địa phương gắn chặt với quá trình này. Cha mẹ có thể tác động đến quá trình này với sự kiểm soát của địa phương đối với giáo dục.

• Ảnh hưởng của cha mẹ đối với việc lựa chọn giáo dục.

Hội cha mẹ và học sinh toàn quốc hoạt động trên khắp nước Mỹ. Tại mỗi trường học lớn đều có chi nhánh của tổ chức này. Cha mẹ là những người tham gia tích cực vào các cuộc cải cách trường học. Ở một số trường học, ý kiến của Ủy ban cha mẹ học sinh

đóng vai trò chi phối trong việc tổ chức quá trình học tập, kể cả việc chọn chương trình và phương pháp giảng dạy.

Ngân sách tài khoá 2002 cũng đề cập việc mở rộng ảnh hưởng của cha mẹ học sinh đối với việc giáo dục trẻ em, nhấn mạnh việc cung cấp cho cha mẹ học sinh những thông tin đầy đủ giá trị về trường học từ các bảng báo cáo tổng kết bởi vì theo đó cha mẹ có thể lựa chọn trường học cho con mình.

Bảng báo cáo trường học phải được phát hành trong tất cả các bang và cho tất cả các trường học và có thể tiếp cận được qua Internet. Qua đây, cha mẹ có thể phát hiện ra những trường có thành tích học tập thấp hay cao, đồng thời sử dụng thông tin về những khả năng giáo dục bổ sung và các trường tư thục.

Chính phủ Mỹ khuyến khích tập hợp các trường học thành những nhóm hoặc cơ quan giáo dục địa phương tự chủ trong các hoạt động của mình và không phụ thuộc vào các bang hoặc chính quyền địa phương. Đồng thời cũng đề ra các hình thức và phương pháp giảng dạy và thông báo cho cha mẹ học sinh để trên cơ sở đó và các bảng báo cáo trường học quốc gia, họ có thể lựa chọn trường học cho con cái.

Chính phủ ủng hộ sự phát triển chương trình học đường theo *Hiến chương cộng đồng năm 1994* (Public Charter Schools Program) và về sau theo luật *Hiến chương học đường* (Charter Schools Expansion Act). Năm 1991, bang Minnesota là bang đầu tiên quyết định triển khai Hiến chương học đường và cuối năm 1999 đã có 36 bang và quận Columbia thực hiện. Đầu niên học 2000/2001, 2.069 hiến chương đã được thông qua trong cả nước trong khi niên học 1993/1994 mới chỉ có 34 (Economic Report of the President 2000, p. 222).

Như đã đề cập, quá trình dân chủ hoá giáo dục đang diễn ra trên toàn thế giới đều giả định trước hết dựa vào sự đảm bảo khả năng như nhau trong giáo dục. Nhưng bình đẳng khả năng ngầm hiểu không phải chỉ là khả năng tiếp nhận giáo dục, mà cả khả năng nhận được tri thức có chất lượng. Mở rộng khả năng tiếp nhận giáo dục cao đẳng là mục tiêu chính sách của chính quyền Clinton. Nhưng trong những năm cuối nhiệm kỳ của ông đã nổi lên một vấn đề khác - đó là vấn đề chất lượng thấp của giáo dục trung học.

III. Nâng cao chất lượng giáo dục trung học

Duy trì giáo dục phổ thông ở trình độ cao đẳng đã là tiền đề quan trọng của sự phát triển xã hội năng động. Ở các nước phát triển, trình độ giáo dục trung bình của dân cư theo thống kê không ngừng nâng cao. Nhưng việc nâng cao trình độ trung bình của giáo dục lại kéo theo sự hạ thấp chất lượng đào tạo của học sinh các trường phổ thông. Vấn đề trở nên phức tạp hơn ở chỗ quá trình này diễn ra trong kỷ nguyên tiến bộ khoa học kỹ thuật đòi hỏi những tri thức sâu hơn. Vì vậy có thể nói rằng quá trình giảm chất lượng tri thức trong đào tạo phổ thông trung học ngày nay là một vấn đề có quy mô toàn cầu.

Mỹ là nước phát triển đầu tiên trên thế giới đã xây dựng hàng loạt trường trung học trong những năm 1930, trong khi ở các nước phát triển khác "sự bùng nổ trường học" chỉ diễn ra trong những năm 1960. Vấn đề chất lượng thấp của giáo dục trung học Mỹ được chính phủ giải quyết trong suốt 40 năm qua. Chính phủ Mỹ đã đề ra các đạo luật, các chương trình nhà nước và nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục. Và cho đến ngày nay, ở thế kỷ XXI này, vấn đề này vẫn còn không kém phần cấp bách.

Người Mỹ thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục trung học, thích nghi nó với những đòi hỏi phức tạp của tiến bộ khoa học kỹ thuật theo một số phương hướng nhất định:

Nâng cao trình độ đọc viết thông thạo và tri thức về khoa học chính xác.

Ngay trong ngân sách tài khoá 2002, chính quyền G. W. Bush đã chỉ ra rằng trình độ tri thức trường học phổ thông về toán và các khoa học chính xác ở Mỹ thấp hơn trình độ thế giới rất nhiều. Tình hình này không phải được nhận thấy lần đầu tiên. Ngay từ năm 1957, khi Liên Xô phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên, người Mỹ đã xem sự dẫn đầu của Liên Xô như một căn cứ để thừa nhận những thiếu sót nghiêm trọng của các trường trung học Mỹ và tạo ra cú hích nâng cao trình độ và chất lượng giáo dục của chúng, trước hết là trong lĩnh vực khoa học chính xác. Có nhiều nguyên nhân làm nảy sinh vấn đề này. Thứ nhất là sự tăng thêm số lượng hệ thống giáo dục phổ thông toàn phần trong những năm 1960-1970 có ảnh hưởng tiêu cực đối với kết quả giáo dục. Làn sóng tâm thường bóp nghẹt trường trung học. Do việc biến trình độ này thành một kiểu giáo dục đại chúng, trình độ tri thức của học sinh bị hạ thấp. Trong văn kiện của chính phủ mang tên "Quốc gia lâm nguy" năm 1983 đã đề cập đến vấn đề này. Theo ý kiến của các chuyên gia, học sinh trung học Mỹ trong những năm 1980 tồi hơn đối thủ của họ trong những năm 1970 trong việc làm chủ tri thức, kỹ năng và kỹ xảo.

Một nguyên nhân nữa của việc hạ thấp trình độ giáo dục là những cuộc cải cách giáo dục phổ thông đầu những năm 1960 - đây là thời kỳ Mỹ đã thông qua những đạo luật giáo dục nhiều hơn toàn bộ lịch sử trước đó của Mỹ. Các chương trình của trường trung học được dựa trên nguyên tắc

"năm cơ sở" tức là: Giáo dục thu hẹp trong 5 hướng cơ bản hoặc "cơ sở" (tiếng Anh và văn học, toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tin học). "Cơ sở" bao gồm một số giáo trình mà mỗi giáo trình này đều có chương trình toàn phần và chương trình thu hẹp. Do vậy, theo chương trình toàn phần, các môn học cơ sở chỉ dạy cho một bộ phận học sinh.

Đầu những năm 1980, 90% các trường phổ thông trung học thực hiện nguyên tắc "năm cơ sở". Nhưng việc áp dụng "các cơ sở" này không chỉ dẫn đến thu hẹp giáo dục bắt buộc mà còn áp dụng các giáo trình tự chọn, và những giáo trình này chứa một phần đáng kể thời gian ở học đường.

Trong làn sóng giảm khối lượng giảng dạy bắt buộc, ở một số trường phổ thông như ở San Francisco, đã giảm số "những cơ sở" bắt buộc xuống 3 (tiếng Anh và văn học, toán, các môn khoa học xã hội); ở nhiều bang thời hạn tối thiểu cho học toán đã giảm xuống một năm; các giáo trình vật lý, hoá học, sinh vật học đều thu hẹp; không một bang nào buộc phải học ngoại ngữ. Kết quả là giáo dục khoa học bị đẩy xuống hạng hai, chất lượng giáo dục trung học không những không tăng mà còn giảm sút.

Hội nghị sư phạm toàn quốc ngay trong năm 1976 diễn ra trên nền những sự kiện trên đã đòi xiết chặt tiêu chuẩn giáo dục bắt buộc. Rút cuộc những cuộc cải cách giáo dục trong những năm 1980 đã nâng cao các tiêu chuẩn chung. Thật vậy, từ 1982 những môn học bổ sung đã bắt đầu quay trở lại nhóm "các cơ sở", và vào năm 1984 trên một nửa các quận trường học đã mở rộng các "cơ sở" của mình phù hợp với chuẩn giáo dục chung đã được nâng cao.

Quá trình mở rộng và tăng cường các tiêu chuẩn giáo dục trung học tiếp tục tiến lên về sau... Trong năm 1994

các tiêu chuẩn thống nhất của giáo dục trung học đã được hoàn thiện và đã được đưa vào áp dụng ở tất cả các bang bằng "*Đạo luật Hoàn thiện các trường học của Mỹ*" (Improving America's school Act) và cuộc cải cách "*Những mục tiêu năm 2000 - giáo dục của nước Mỹ*" (Goals 2000: Educate America Act). Chính phủ Liên bang đã chi cho cuộc cải cách "Những mục tiêu năm 2000" trên 2,6 tỷ đôla. Nhờ việc áp dụng những đạo luật này, trong tháng 10/2000, 48 bang và quận Columbia đã áp dụng các tiêu chuẩn như nhau về trình độ tri thức ngôn ngữ và toán. Những tiêu chuẩn này được đưa vào áp dụng để trên cơ sở đó có thể tiến hành đánh giá thích hợp công tác của tất cả các trường học của bang. Ngày nay, 36 bang đã xuất bản các bảng báo cáo tổng kết dựa trên những tiêu chuẩn này⁷.

Bản báo cáo của chính phủ năm 1991 nhan đề "*Nước Mỹ năm 2000 - chiến lược giáo dục*" đã nói rằng nhà nước phải trao cho mọi người Mỹ khả năng nhận được một nền giáo dục có chất lượng. Bản báo cáo đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là đã vạch ra kế hoạch làm cho các học sinh phổ thông của Mỹ đứng đầu thế giới về thành tích học tập trong lĩnh vực toán và khoa học tự nhiên, đồng thời mỗi một người Mỹ trưởng thành đều trở thành những người thông thạo chức năng. Một người không thông thạo chức năng hoặc mù chức năng được xem là những người đã học qua các giáo trình phổ thông bắt buộc, nhưng không nắm được kỹ năng đọc, viết, tính toán ở mức độ cần thiết để giải quyết những vấn đề cuộc sống hàng ngày. Nạn mù chức năng đã trở thành tai họa của trường học và của xã hội trên toàn thế giới. Ở Mỹ, ngay từ năm 1988 đã có 13% dân cư được xem là mù chức năng. Người

ta dự báo ngay từ lúc đó nếu tình hình vẫn duy trì thì số mù chức năng đến năm 2000 phải vào khoảng 35 triệu người - tình hình hiện nay cho thấy dự báo này là đúng⁸.

Thực tế cho thấy những mục tiêu đề ra trong báo cáo năm 1991 đã không được hoàn thành. Chính quyền G. W. Bush lại một lần nữa đề ra cuộc cải cách giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục trung học gọi là "*Không để cho một trẻ em nào không được giáo dục*" (No child left behind).

Ngân sách tài khoá 2002 đề nghị tăng tài trợ cho Bộ Giáo dục 11,5% (hoặc tăng 4,6 tỷ đôla) so với năm 2001, đây là mức tăng cao nhất so với các bộ khác. Kinh phí cho các chương trình của Bộ Giáo dục dự định tăng 2,5 tỷ (tức 5,9%).

Cuộc cải cách giáo dục "No child left behind" chiếm địa vị quan trọng trong chính sách của chính quyền Bush. Cuộc cải cách trước hết hướng vào việc củng cố giáo dục trung học ở Mỹ, hình thành một cách đúng đắn nhân cách và sự phát triển tư năng của mỗi em ở bất kỳ góc ngách nào của nước Mỹ. Khoản kinh phí 1,6 tỷ đôla sẽ được phân phối cho các chương trình được soạn thảo phù hợp với cuộc cải cách này.

Ngân sách dự kiến 15 ưu tiên căn bản trong phát triển kinh phí đất nước trong tài khoá 2002 mà trong đó ưu tiên thứ nhất và thứ hai được công bố là: *tăng tài trợ cho giáo dục ban đầu (cơ sở) và giáo dục trung học* đến 1,9 tỷ đôla, tức là vượt tài trợ tài khoá 2001 tới 10%; *nâng cao khả năng thành thạo chức năng* của học sinh với 900 triệu đôla tài khoá 2002, tức là vượt mức tổng chi cho những mục tiêu này trong tài khoá 2001 tới 3 lần. Nâng mức thành thạo chức năng - đó là phương hướng chủ yếu trong cuộc cải cách giáo dục phổ thông mới. Hiện

nay, khoảng 70% lớp bốn của trường phổ thông Mỹ có trình độ thành thạo chức năng không phù hợp với trình độ cơ bản được điều tra trên toàn quốc⁹.

Ngân sách dự tính trong 5 năm chi 5 tỷ cho các chương trình nâng cao trình độ thành thạo chức năng mà nhờ đó khi kết thúc lớp ba mỗi em sẽ có trình độ đáp ứng đòi hỏi của các cuộc kiểm tra toàn quốc. Chương trình đặc biệt chú ý các trẻ em ở các vườn trẻ và học sinh ở các lớp bé.

• Nâng cao trình độ chuyên nghiệp của đội ngũ giáo viên.

Một trong những nguyên nhân hạ thấp chất lượng giáo dục trung học là trình độ chuyên nghiệp của giáo viên thấp cũng như việc thiếu giáo viên. Ở Mỹ xu hướng uy tín chuyên nghiệp của giáo viên giảm sút đã được nhận thấy từ lâu. Thống kê cho thấy, những người tốt nghiệp trường trung học không có thành tích cao xuất sắc trong học tập thường trở thành sinh viên các trường cao đẳng sư phạm.

Trình độ chuyên nghiệp thấp của các giáo viên Mỹ gắn liền với mức tiền lương thấp. Thật vậy, ở Tây Âu và Nhật Bản, giáo viên nằm trong hàng ngũ những viên chức được trả lương cao. Ở Nhật tiền lương giáo viên cao hơn lương trung bình của viên chức nhà nước 25%. Ở Pháp lương của giáo viên trường Trung học cơ sở và Phổ thông trung học cao gấp đôi tiền lương của viên chức bình thường. Ở Mỹ không thấy có chênh lệch gì, tiền lương của họ còn thấp hơn các loại viên chức khác 2-3%. Không những thế trong thập kỷ gần đây, tiền lương đã giảm và xu hướng này còn trầm trọng hơn do đa số giáo viên các trường phổ thông quốc lập đều là nữ.

Năm 1940 gần 32% phụ nữ có trình độ đại học được trả lương cao hơn giáo viên nam. Năm 1990, con số này tăng

lên đến 55% và khuynh hướng này duy trì suốt những năm 1990. Lương trung bình của những người tiêu biểu cho nhóm nghề nghiệp khác tăng nhanh hơn lương trung bình của các giáo viên. Từ 1994 đến 1998 tiền lương trung bình của chuyên gia có trình độ đại học thuộc các ngành không phải sư phạm tăng 32% trong khi tiền lương giáo viên tăng không đến 1%¹⁰. Chính phủ Liên bang đã vạch ra chương trình nâng cao phẩm chất chuyên nghiệp của giáo viên (Teacher quality enhancement Grant). Trong năm 2000, khoảng 20 nghìn giáo viên mới đã được đào tạo theo chương trình nhằm phục vụ cho các khu vực giáo dục phổ thông thiếu giáo viên. Ngoài ra còn có một chương trình khác lớn hơn nhằm cải tiến chất lượng dạy học (Eisenhower Professional Development Programs) với mức tài trợ từ 275 triệu đôla năm 1993 lên 335 triệu đôla năm 2000.

Cải tiến chất lượng dạy học vẫn tiếp tục là nhiệm vụ ưu tiên của chính sách giáo dục. Ngân sách mới dự kiến chi cho việc nâng cao trình độ chuyên nghiệp của giáo viên, đặc biệt về toán và khoa học tự nhiên, cũng như duy trì trình độ cao về đạo đức của họ. Ngân sách phân bổ cho mục đích này là 2,6 tỷ trong tài khoá 2002 và dự định xoá nợ đã cấp cho các sinh viên đang dạy ở các trường phổ thông trong 5 năm và quy định một số ưu đãi thuế cho giáo viên¹¹.

Vấn đề phải có đủ số giáo viên hiện vẫn rất gay gắt. Theo những công trình nghiên cứu gần đây, hiện Mỹ đang thiếu 2 triệu giáo viên trung học trong 10 năm sắp tới. Nhu cầu giáo viên sẽ còn tăng trong tương lai vì số học sinh trong các lớp học phải giảm.

• Giảm quy mô lớp học:

Giảm số học sinh trong một lớp đã được thảo luận suốt nhiều thập kỷ

qua. Cuộc thử nghiệm ở bang Tennessi (Student - teacher achievement Ratio) cuối những năm 1980 đã chỉ ra rằng số lượng học sinh đã giảm đáng kể, đặc biệt đối với những lớp dành cho người tàn tật và các học sinh bé. Số học sinh của 3 lớp đầu đã giảm bớt từ mức tiêu chuẩn 22-25 em xuống còn 13-17 em. Cuộc thí nghiệm chứng tỏ những học sinh này đã hoàn thành tốt hơn các cuộc kiểm tra về ngôn ngữ và toán so với những lớp tiêu chuẩn, họ cũng làm tốt hơn những cuộc kiểm tra của các trường trung học và có kết quả lớn hơn khi nhập trường đại học về sau.

Năm 1996, ở California đã thực hiện chương trình giảm quy mô ba lớp học đầu tiên, trung bình sĩ số trong các lớp đã giảm từ 28 xuống 20 với phí tổn khoảng 1,5 tỷ đôla/năm. Niên học 1998/1999, 92% học sinh ở California học ở những lớp đã giảm sĩ số tới còn dưới 20 em. Tuy nhiên, tỷ lệ giáo viên đứng lớp của những lớp này đã giảm từ 98% năm 1995/1996 xuống còn 87% năm 1998/1999, tức là số giáo viên vẫn giảm mạnh.

Năm 1998, Chính phủ đã đề nghị giảm quy mô lớp học trong vòng 8 năm, trong 2 năm đầu đã bổ sung 29 nghìn giáo viên mới và do vậy đã giảm số lớp cho 1,7 triệu học sinh. Theo các chuyên gia, để giảm sĩ số các lớp từ lớp 1 đến lớp 3 xuống tới 18 học sinh cần ít nhất 100 nghìn phòng học bổ sung, và cần 5 tỷ đôla/năm. Theo Tổng thống B. Clinton, số chi tiêu này là cần thiết vì trong tương lai những học sinh này sẽ trở thành những người lao động có trình độ chuyên môn cao và do đó sẽ làm cho nền kinh tế Mỹ được lợi thêm. Sáng kiến giảm quy mô lớp học được củng cố bằng một chương trình tương ứng (class size reduction Initiative) mà theo đó sẽ cho phép các quận giáo dục chi 25% quỹ của địa phương cho sự

phát triển chuyên nghiệp và kiểm tra cả các giáo viên.

- Trợ giúp các học sinh vào học đại học.

Mức sống của một bộ phận lớn các nhóm dân cư cho phép đem lại cho con cái họ một nền giáo dục phổ thông, nhưng một số ít có thể chi cho việc dạy thêm nhằm bù đắp cho những thiếu sót của nền giáo dục đại chúng. Trong báo cáo kinh tế năm 2000, Tổng thống Bill Clinton đã cho biết khoảng 1/3 trường cao đẳng ở Mỹ cho rằng những thiếu niên vào các trường cao đẳng đều không được chuẩn bị đầy đủ, cần nhiều tri thức bổ sung.

Người ta đã hình thành những Chương trình trợ giúp học sinh từ các gia đình ít được bảo đảm (Gaining Early Awareness and Readiness for Undergraduate Programs) mà dựa trên cơ sở này ngân sách tài khoá 2000 đã đào tạo cho trên 250 nghìn người. Nhờ sự trợ giúp này, học sinh và cha mẹ họ nhận được thông tin về các trường cao đẳng, sự trợ giúp tài chính và chuẩn bị ở các trường cao đẳng, đôi khi được chu cấp học bổng. Ngoài ra, còn có một chương trình đảm bảo chuẩn bị vào trường cao đẳng bổ sung vào chức năng cơ bản của nó phục vụ cho 730 trường trung học, nơi có con các gia đình thu nhập thấp và những người tàn tật¹².

Trong những năm 1950 đã bắt đầu một giai đoạn quan trọng hoàn thiện giáo dục - giai đoạn vận dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật vào các chương trình phổ thông. Mỹ là một trong những nước đầu tiên xem việc hiện đại hoá kỹ thuật giáo dục là một tương lai thực tế. Hiện nay những phương hướng cơ bản của quá trình này ở Mỹ là tiếp tục phổ biến rộng rãi máy tính trong các trường học và đảm bảo việc tiếp cận Internet, nâng cao tri thức máy tính của các giáo viên, tổ chức giáo dục từ xa.

IV. Hiện đại hoá kỹ thuật quá trình giáo dục

• Tin học hoá trường học

Trước hết, máy ghi âm (magnitophon), tivi, các loại máy dạy học thuộc loại cơ khí đã được đưa vào quá trình giáo dục. Trong một số trường thực nghiệm (School-pilot) áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đã có những trung tâm học tập được trang bị kỹ thuật mới. Ví dụ ở một trường thực nghiệm thuộc thành phố Conisville (Bang Texas), tại trung tâm học tập đã lắp đặt một vòm trang bị minh hoạ bầu trời sao, ở giữa trung tâm có một trạm vũ trụ cho giáo viên và ở ngoại vi là các máy tính cá nhân cho học sinh.

Trong những năm 1960, các trường học của Mỹ cũng như của một số nước khác đã sử dụng thiết bị điện tử. Các chuyên gia đã soạn thảo ngôn ngữ máy tính đặc biệt tương đối không phức tạp cho loại thiết bị này. Người ta cho rằng ngay từ lúc này, ở Mỹ đã hình thành một thế hệ máy tính của học sinh. Điều này liên quan đặc biệt đến videogames (trò chơi điện tử) vì nó mở ra những khả năng mới để tự mình đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ học tập có ý thức.

Trong những năm 1970, một trong những dự án về "Trường học của tương lai" đã đề ra việc đảm bảo chương trình máy tính hoàn chỉnh cho các trường học phổ thông ("Dự án A-C-E"). Dự án đã vạch ra kế hoạch làm cho các học sinh tốt nghiệp trường phổ thông cơ sở nắm được công cụ máy tính và có thể sử dụng nó trong quá trình học tập và về sau khi là học sinh trường trung học sẽ học làm việc với các bảng điện tử và các hệ thống viễn thông.

Giao thời những năm 1980-1990, việc áp dụng máy tính (máy tính hoá) cho các trường học của Mỹ đã có tính bao trùm. Năm 1988, 95% trường học

đã có máy tính, các học sinh lứa tuổi 11-12 tuổi đã biết sử dụng thành thạo máy tính và nhiều học sinh đã biết làm các bài tập ở nhà bằng máy tính riêng. Trong các trường cơ sở việc dạy sử dụng thành thạo máy tính (thoát mù máy tính) đã thực hiện từ lớp một, các em lúc đầu tập chơi và sau đó làm một số bài tập, các chương trình không phức tạp.

Trong những năm 1990, việc máy tính hoá toàn diện vẫn tiếp tục đồng thời đưa vào kỹ thuật của trường phổ thông mạng máy tính Internet.

Chính phủ Mỹ đã luôn luôn chi những khoản lớn tài chính cho chương trình máy tính hoá các trường học. Chẳng hạn, bổ sung vào chương trình máy tính hoá các trường học (E-rate), Chính phủ Liên bang đã chi tới 766 triệu đôla năm 2000 cho chương trình đảm bảo kỹ thuật cho các trường học hoạt động theo luật về giáo dục cơ sở và trung học. Khoảng 425 triệu đôla, trong số này chi cho *Quỹ kỹ thuật hoàn thiện trình độ đọc viết thành thạo* (Technology Literacy Challenge Fund).

• Đảm bảo tiếp cận Internet

Nhiều chương trình của liên bang, đặc biệt là chương trình máy tính hoá các trường học, đã đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo điều kiện quyết định sự tiếp cận internet, thực hiện những giao tiếp tương ứng và những công việc phục vụ cho nó. Hàng năm chi kinh phí cho chương trình này tới 2,25 tỷ đôla.

Số các trường quốc lập tiếp cận được internet đã tăng tới 3 lần kể từ 1994 đến 1999 và đã chiếm tới 95% số trường. Số các phòng học được trang bị để tiếp cận được internet tăng còn nhanh hơn số trường học. Trong năm 1994, chỉ có 3% số lớp được trang bị internet, nhưng năm 1999 đã lên đến 63%¹³.

Báo cáo của Tổng thống Clinton năm 2000 cho biết máy tính hoá và

đảm bảo tiếp cận internet vẫn tiếp tục là phương hướng căn bản phát triển hệ thống giáo dục ngay cả đầu thế kỷ XXI. Quá trình giáo dục phải được máy tính hoá hoàn toàn và kết nối thống nhất với mạng toàn cầu trên khắp đất nước và do đó đem lại cho mọi học sinh khả năng sử dụng các thư viện, các triển lãm bảo tàng và các tài liệu học tập khác trực tiếp ngay tại trường học. Do vậy ngay từ lứa tuổi học đường phổ thông, mỗi học sinh phải học việc sử dụng máy tính và internet vì các mục đích sinh hoạt.

Trong cuộc cải cách giáo dục mới của Tổng thống Bush "No child left behind", cũng chỉ ra rằng tiếp cận được internet vẫn là đề tài quan trọng nhất của việc hoàn thiện hệ thống giáo dục.

- Nâng cao tri thức máy tính của các giáo viên

Chỉ việc có máy tính trong các trường học thôi thì không đảm bảo có được nền giáo dục hiệu quả. Bản báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội năm 1988 nhan đề "Những phương tiện để học tập và nhận thức" đã ghi nhận rằng trường học phổ thông Mỹ đang thiếu trầm trọng giáo viên nắm được kỹ thuật mới. Để giải quyết vấn đề này chính quyền của các bang cần vạch ra nhiều chương trình đặc biệt. Thật vậy, năm 1988, bang New York đã cấp máy tính cá nhân miễn phí cho 2000 giáo viên để họ có thể làm chủ kỹ thuật mới và trở thành những người hướng dẫn có trình độ của các học sinh.

Trong năm học 1997/1998, các quỹ liên bang đã chu cấp 1/4 tổng số máy tính cho các trường học. Nhưng một công trình nghiên cứu gần đây cho thấy chỉ có 53% tổng số giáo viên các trường phổ thông quốc lập sử dụng được các chức năng của máy tính và Internet cho quá trình giáo dục.

Nâng cao tri thức máy tính cho các giáo viên là một phần của vấn đề

nâng cao trình độ chuyên nghiệp chung của các giáo viên. Chính phủ liên bang đã đề ra chương trình nhằm huấn luyện cho các giáo viên biết làm việc bằng máy tính (Preparing tomorrow's teachers to use technology) và hiện nay chương trình này đã được thực hiện ở 352 tổ chức giáo dục.

- Tổ chức học tập từ xa (hàm thụ).
Dạy học từ xa/học tập từ xa là kết quả của việc ứng dụng thành tựu của tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình giáo dục. Điều này đã đem lại những khả năng rộng rãi cho mọi người thuộc mọi tầng lớp dân cư tiếp cận được nền giáo dục, đặc biệt là đối với những trẻ em tàn tật.

Chính phủ Mỹ đã đề ra chương trình giáo dục từ xa (Distance Education Demonstration) dành cho người tàn tật và không thể rời nơi cư trú. Tháng 7 năm 1999, chương trình này đã bao gồm 111 cơ sở giáo dục ở 22 bang và quận Columbia và tháng 7/2001 đã thêm 32 trường nữa.

Sau 3 năm, số lớp học từ xa đã tăng từ 753.640 trong năm học 1994/1995 lên 1.632.350 năm học 1997/1998 và con số này vẫn tiếp tục tăng. Thêm nữa các chương trình này còn tổ chức những trung tâm kỹ thuật cộng đồng mà năm 1999 đã chi cho khoảng 10 triệu đôla, năm 2000 là 32,5 triệu, năm 2001 là 65 triệu. Các trung tâm kỹ thuật đảm bảo huấn luyện về máy tính trong các trường học, từ những nơi mà các trẻ em thuộc các gia đình ít được đảm bảo theo học. Nhờ đó, nói chung sự tiếp cận kỹ thuật, công nghệ thông tin được mở rộng; những máy tính của những trung tâm này cũng được sử dụng để chuẩn bị cho các trẻ em ở lứa tuổi trước khi đến trường, dạy làm việc dựa trên máy tính cho học sinh tốt nghiệp các trường phổ thông trung học và dạy thêm cho người lớn tuổi¹⁴. Ngân sách 2002 đã

tăng kinh phí cho việc mở rộng hệ thống giáo dục từ xa cho trẻ em khuyết tật.

V. Đảm bảo an toàn cho giáo dục phổ thông

Ngay từ những năm 1980, trường học ở Mỹ đã là “hang ổ ma túy và bạo lực”.

Trong thập niên 1980, số học sinh tốt nghiệp trường phổ thông cơ sở có dùng ma túy đã tăng lên gấp 3 lần (lứa tuổi 12). Cuối những năm 1980, 51% học sinh trung học dùng một thứ ma túy nào đó. Quốc hội Mỹ năm 1986 đã thông qua quyết định đặc biệt mà theo đó những khoản tiền lớn đã được tháo khoán cho việc huấn luyện và sử dụng tài liệu nghe nhìn của các học sinh về tác hại của ma túy.

Trong những năm 1990, Chính phủ Liên bang và các chính quyền địa phương đã thực hiện những công tác to lớn nhằm khôi phục an ninh cho việc học tập ở các trường quốc lập.

Đầu thế kỷ XXI, vấn đề an ninh, trước hết, được ngầm hiểu là sự giải thoát các trường phổ thông khỏi nạn ma túy, nghiện rượu, nghiện hút thuốc lá bằng cách thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giáo dục. Chính phủ đã vạch ra một chương trình liên bang lớn đấu tranh chống nạn ma túy và đảm bảo an ninh trong các trường học (Safe and Drug-free schools program). Chương trình này cũng bao gồm chương trình phòng ngừa ma túy ở trường phổ thông (Elementary School Counseling Demonstration program) và Chương trình sức khỏe cho thanh niên (Promoting Better Health for Young People through Physical Activity and Sports). Trung tâm đánh giá nguy cơ quốc gia (National Threat Assessment Center) cùng với Bộ Giáo dục tiến hành nghiên cứu **những** vụ rắc rối ở các

trường học có liên quan đến ma túy và tệ nghiện rượu các trường học. Nhằm mục đích này, trung tâm đã đề nghị hoàn thiện chương trình an ninh của các trường học và chương trình liên quan đến các trung tâm giáo dục thế kỷ XXI (21st Century Community Learning Centers), xây dựng hệ thống trợ giúp cho hoạt động tiền học đường và hậu học đường (trước khi đi học và sau khi học xong phổ thông). Các bang cũng được trao toàn quyền chuyển học sinh từ những trường có nhiều rủi ro sang những trường an ninh hơn, xác lập sự kiểm tra gắt gao những thiếu niên khó trị cũng như những người lớn tuổi có ảnh hưởng đến chúng, cũng cố kỷ luật tại các lớp học.

Về những “Trung tâm giáo dục cộng đồng thế kỷ XXI”, cần nói thêm rằng đây là một hướng ưu tiên của chính sách giáo dục của nhà nước có quan hệ với toàn bộ các hướng cơ bản của chính sách nhà nước.

“Các trung tâm giáo dục cộng đồng thế kỷ XXI” (21st Century Community Learning Centers) là bộ phận cực kỳ quan trọng của hệ thống giáo dục Mỹ. Chúng được lập ra trên cơ sở những trường quốc lập và tạo cho trẻ em và những người lớn tuổi khả năng vận dụng năng lực của mình để nâng cao trình độ giáo dục và văn hoá. Các giáo viên làm việc trong các trung tâm này dạy trực tiếp cho những người ở nhà. Tại đây, người ta chuẩn bị cho việc học ở các trường cao đẳng hướng dẫn tri thức nghệ thuật, dạy làm việc với phương tiện kỹ thuật tổ chức (phương tiện kỹ thuật cơ khí hoá và tự động hoá lao động kỹ thuật và quản lý) và các máy tính, hướng dẫn làm việc với những người tàn tật, phòng ngừa ma túy và giữ vững an ninh đời sống.

Kể từ 1998 tới 2000, 6.800 trung tâm đã phục vụ khoảng 1,2 triệu trẻ

em và 400 nghìn người lớn tuổi. Trong năm 2001, khoảng 206 triệu đôla được sử dụng để khai trương 1.420 trung tâm mới ở 47 bang và tại quần đảo Marshall. Những nguồn tiền từ các "Trung tâm giáo dục thế kỷ XXI" đã tài trợ cho nhiều chương trình giáo dục, ví dụ, khoảng 95% các chương trình nâng cao trình độ thành thạo chức năng và 90% các chương trình cải thiện tri thức toán là do các quỹ này cấp tiền.

Như vậy, những phương hướng ưu tiên cơ bản của chính sách giáo dục hiện nay của nhà nước Mỹ trong lĩnh vực giáo dục đều là những vấn đề và các quá trình không chỉ đụng chạm đến xã hội Mỹ mà trong thực tế cũng đụng chạm đến tất cả các nước phát triển khác.

Quá trình dân chủ hoá giáo dục ở Mỹ diễn ra có kết quả mỹ mãn nếu chất lượng giáo dục trung học không thấp như đã thấy và vì vậy quá trình này vẫn là ưu tiên chủ yếu của chính sách nhà nước.

Theo nhiều tài liệu, vấn đề giảm chất lượng của giáo dục phổ thông ở Mỹ gay gắt hơn nhiều ở những nước khác trên toàn thế giới. Vì vậy giáo dục trung học là một ưu tiên cơ bản trong chính sách nhà nước dưới chính quyền G. W. Bush.

Quá trình hiện đại hoá kỹ thuật của giáo dục, tức là sử dụng rộng rãi máy tính (máy tính hoá - Computerization) và đảm bảo khả năng tiếp cận Internet, đã diễn ra ở Mỹ có kết quả tốt hơn ở nhiều nước

phát triển khác, mặc dù cũng có một số khuyết điểm mà ai cũng có thể thấy. Vấn đề đảm bảo an toàn cho giáo dục phổ thông nói chung ở Mỹ không vượt ra khỏi những vấn đề của các nước khác trên thế giới. Những phân tích ở trên cho thấy rằng chính sách nhà nước hiện nay của Mỹ dưới chính quyền Bush được định hướng vào việc xây dựng một hệ thống giáo dục dựa trên những nguyên tắc của chế độ dân chủ theo quan niệm của họ, bám chắc vào tiến bộ khoa học kỹ thuật, giải phóng khỏi những biểu hiện tiêu cực của sự phát triển xã hội ■

Chú thích:

- (1) A Blueprint for New Begining. Wash, 2001, p. 4.
- (2) [http:// www.de.gov](http://www.de.gov).
- (3) A Blueprint for the New Beginning, pp. 104, 105.
- (4) Economic Report of the President 2000, Wash, 2000, p. 221.
- (5) [http:// www.ed.gov](http://www.ed.gov)
- (6) A blueprin for New Beginings, p. 104.
- (7) Economic Report of the President 2000, pp. 219, 202.
- (8) Djouringkii A. N. Razvitia obrazovaniia v covremennom mire, M. 1999, trang 51.
- (9) A. Blueprint for New beginnings, trang 8, 103.
- (10) Economic Report of the Prensident 2000, trang 219, 202.
- (11) A blueprint for the New Beginnings, tr. 103.
- (12) Ibid, các trang 212, 213, 215, 222.
- (13) Như trên, trang 226.
- (14) Như trên, [http:// www.ed.gov](http://www.ed.gov).